

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHỤNG HIỆP  
TỈNH HẬU GIANG**  
Bản án số:567/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 08 - 12 - 2020  
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP-TỈNH HẬU GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Liêm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành Quyến;
2. Ông Phan Công Điện.

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 433/2020/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2020/QĐXXST-HN, ngày 06 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2020/QĐST-HN, ngày 25 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị Ngọc M**, sinh năm 1993.

*Địa chỉ:* ấp Trường Khánh 1, xã Long Thạnh, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* **Trần Minh T**, sinh năm 1988.

*Địa chỉ:* ấp Trường Khánh 1, xã Long Thạnh, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc M (sau đây gọi chị M) trình bày: giữa chị và bị đơn Trần Minh T (sau đây gọi anh T) qua tìm hiểu nhau, tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng

chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống trong tất cả mọi công việc, từ đó thường cãi vã nhau trong cuộc sống, đã nhiều lần hoà giải hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên đã sống ly thân từ năm 2017. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: xin ly hôn với anh T.

-Về con chung: có một người con chung tên Trần Thị Phương N (nữ), sinh ngày 25 tháng 02 năm 2013. Từ khi ly thân đến nay, con sống với anh T, nay ly hôn chị đồng ý cho anh T nuôi con chung, chị chưa cấp dưỡng.

-Về nợ và tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Trần Minh T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 30.10.2020, cháu Trần Thị Phương N trình bày (có sự chứng kiến của bà nội cháu là Nguyễn Thị B): từ trước đến nay cháu sống với cha. Khi cha, mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống với cha.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: về thủ tục tố tụng: Tòa án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn; giao con chung cho bị đơn nuôi dưỡng; nguyên đơn chưa phải cấp dưỡng; về nợ và tài sản chung, không yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị Ngọc M có yêu cầu đề nghị xét xử vắng mặt; anh Trần Minh T được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: chị M và anh T qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2010, đến ngày 01 tháng 02 năm 2012 có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Long Thạnh, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M: chị và anh T trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nhưng không có giải pháp khắc phục để hoà giải, hàn gắn tình cảm mà đã sống ly thân từ năm 2017; xét thấy thời gian ly thân đã lâu thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm, lo lắng cho ai. Trong quá trình giải quyết, anh T vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ. Chị M thì xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T vì thời gian ly thân đã lâu, không thể đoàn tụ nên cương quyết xin ly hôn; từ đó thấy rằng hôn nhân giữa anh, chị đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M.

[5] Về con chung: có một người con chung, xét từ khi ly thân đến nay thì cháu N được sống với anh T, chị M đồng ý để anh T được nuôi dưỡng, nguyện vọng cháu N được sống với cha, xét cháu Nghi có cuộc sống ổn định với anh T, nhằm tránh gây xáo trộn đời sống của cháu cần tiếp tục giao cháu cho anh T nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị M, anh T có yêu cầu khác.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: anh T vắng mặt, không có yêu cầu cấp dưỡng tại phiên tòa nên không đặt ra xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho chị M mà không ai có quyền cản trở.

[7] Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

### **Tuyên xử:**

**1.** Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Trần Minh T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Thị Phương N (nữ), sinh ngày 25 tháng 02 năm 2013 cho anh Trần Minh T được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc khi anh T, chị M có yêu cầu khác.

Chị Nguyễn Thị Ngọc M chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho chị Nguyễn Thị Ngọc M mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu, không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Ngọc M phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005834, ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THADS huyện PH;
- UBND xã T, h. H; t.Hậu Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thanh Liêm**